

Số: /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua mức vốn điều lệ, vốn điều lệ bổ sung đến năm 2030;
danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay giai đoạn 2026 – 2030
của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII,
KỲ HỌP LẦN THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển;*

*Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt mức vốn điều lệ, vốn điều lệ bổ
sung đến hết năm 2030; danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát
triển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua mức vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư Phát triển thành
phố Hải Phòng đến hết năm 2030 là 9.256.000.799.722 đồng (Chín nghìn hai
trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi hai
đồng, gồm:**

- Vốn điều lệ để thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố
Hải Phòng: 5.000.000.799.722 đồng.

- Vốn điều lệ để thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở địa phương:
4.256.000.000.000 đồng.

**Điều 2. Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải
Phòng đến hết năm 2030: 7.201.269.000.000 đồng (Bảy nghìn hai trăm lẻ một
tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu đồng), gồm:**

- Vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo pháp luật về đầu tư công là: 6.981.269.000.000 đồng (trong đó: Nguồn thực hiện nhiệm vụ của Quỹ nhà ở địa phương là 3.481.361.000.000 đồng; Nguồn đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố là 3.499.908.000.000 đồng).

- Vốn điều lệ bổ sung từ các nguồn hợp pháp khác của Quỹ: 220.000.000.000 đồng.

Điều 3. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 – 2030 (*chi tiết theo danh mục đính kèm*).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác ĐB (Quốc hội);
- TT TU, TT HĐND TP; UBND thành phố;
- UBND TP; UBND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Công báo HP; Cổng TTĐT TP; Báo và phát thanh truyền hình Hải Phòng;
- CVVP ĐBQH và HĐND TP;
- Các CV HĐND TP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

I	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</i>
1	Đầu tư phát triển khai thác thủy sản xa bờ, dịch vụ hậu cần nghề cá.
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng, phát triển trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; Dự án sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học; Dự án giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
3	Đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, chế biến sâu, bảo quản, đóng gói nông, lâm, thủy sản và thực phẩm; Sản xuất chế biến nước ép, nước cô đặc và các sản phẩm đồ uống từ nông sản.
4	Đầu tư phát triển vùng trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung; vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh, sạch, hữu cơ, sinh thái tuần hoàn.
5	Đầu tư sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
6	Đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.
7	Đầu tư sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
8	Đầu tư chế tạo các loại máy, thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp.
II	<i>Công nghiệp</i>
1	Đầu tư xây dựng, mở rộng, cải tạo và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và khu thương mại tự do phù hợp với quy hoạch và quy định của pháp luật.
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao.
3	Đầu tư dự án phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy hình thành liên kết theo mô hình “doanh nghiệp vệ tinh”.
4	Đầu tư dự án công nghiệp bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới; công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển.
5	Đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế dây chuyền sản xuất cũ bằng dây

	chuyển tự động hóa nhằm nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường; Đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; di chuyển, sắp xếp cơ sở sản xuất, làng nghề theo quy hoạch.
III	<i>Y tế, giáo dục</i>
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh; Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ khám chữa bệnh.
2	Đầu tư cơ sở sản xuất dược liệu, dược phẩm và trang thiết bị y tế.
3	Đầu tư xây dựng, mở rộng, cải tạo cơ sở vật chất trường học các cấp, các trung tâm dạy nghề và cơ sở giáo dục đào tạo khác.
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất các cơ sở trợ giúp xã hội (cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cơ sở phục hồi chức năng và các cơ sở bảo trợ xã hội khác).
IV	<i>Nhà ở</i>
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên ...); nhà ở phục vụ tái định cư.
2	Đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân, chuyên gia trong khu công nghiệp.
3	Đầu tư dự án khu dân cư nông thôn, khu đô thị, khu tái định cư.
4	Đầu tư xây dựng công trình nhà ở cao tầng, công trình hỗn hợp có chức năng nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và quy định của pháp luật.
V	<i>Giao thông</i>
1	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng (Xe buýt, xe ô tô khách theo tuyến cố định...); Đầu tư, mua sắm phương tiện vận tải hành khách, vận tải hàng hóa sử dụng năng lượng xanh, năng lượng sạch.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, sát hạch giao thông, đăng kiểm phương tiện giao thông.
3	Đầu tư dự án bến xe, bãi đỗ xe, ưu tiên bãi đỗ xe cao tầng, bãi đỗ xe ngầm sử dụng công nghệ đỗ xe hiện đại, thông minh.
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu hoặc năng lượng phục vụ phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp; cung cấp dịch vụ tái nạp năng lượng cho phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp.

VI	<i>Năng lượng, môi trường</i>
1	Đầu tư phát triển điện, các dự án điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời tự sản xuất, tự tiêu thụ; năng lượng gió và các nguồn năng lượng tái tạo khác; hệ thống lưu trữ năng lượng, chiếu sáng đô thị, thiết bị chiếu sáng và tiết kiệm năng lượng.
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống sản xuất, xử lý và cung cấp nước sạch; công trình thu gom, thoát và xử lý nước thải; hệ thống, phương tiện và thiết bị phục vụ phân loại, thu gom, vận chuyển, trung chuyển, xử lý, tái chế và sử dụng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, xỉ thải; dự án thu hồi kim loại, khoáng chất và sản xuất vật liệu từ chất thải sau xử lý.
VII	<i>Văn hóa, du lịch</i>
1	Đầu tư thiết chế văn hoá thể thao thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá
2	Đầu tư dự án tổ hợp khách sạn, trung tâm tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ hỗ trợ du lịch đáp ứng quy hoạch tiêu chuẩn chuyên ngành.
VIII	<i>Các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố</i>
1	Đầu tư các dự án chuyển đổi số, kinh tế số, khu đô thị xanh, thông minh.
2	Đầu tư các dự án liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông.
3	Đầu tư xây dựng, mở rộng cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn, trung tâm logistics, kho vận, kho lạnh, bãi hàng, trung tâm phân phối; hạ tầng, phương tiện, thiết bị xếp dỡ và các dịch vụ logistics.
4	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các công trình hạ tầng, trang thiết bị phục vụ trực tiếp hoạt động của dự án.
5	Đầu tư xây dựng, di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang; xây dựng khu hỏa táng, điện táng.